

THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Thị Mai Hương

Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Nông nghiệp là ngành có tiềm năng và lợi thế để phát triển, song nông nghiệp ngày càng khó thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Kết quả thu hút FDI vào ngành nông nghiệp cho đến nay còn nhiều hạn chế, chưa thực sự phát huy được hết tiềm năng của ngành. Trong nghiên cứu này, tác giả đánh giá thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay về các nội dung như: quy mô vốn FDI, cơ cấu vốn FDI theo tiêu ngành nông nghiệp, theo hình thức đầu tư, đối tác đầu tư và theo địa phương nhận đầu tư. Từ đó tìm hiểu nguyên nhân khiến việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp còn nhiều khó khăn và hạn chế, đưa ra được những chính sách, biện pháp góp phần đẩy mạnh việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp vào ngành nông nghiệp ở Việt Nam.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, nguồn FDI, nông nghiệp, tăng trưởng kinh tế.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhìn lại lịch sử phát triển của xã hội loài người, nông nghiệp luôn giữ vai trò quan trọng, là ngành sản xuất lương thực, thực phẩm cho xã hội, là nguyên liệu cho ngành công nghiệp và các ngành khác. Bước sang thế kỷ XXI, với những thách thức về an ninh lương thực, dân số, môi trường sinh thái, nông nghiệp được dự báo vẫn tiếp tục giữ vai trò quan trọng đối với con người nói chung và mỗi nước nói riêng.

Việt Nam là nước xuất phát từ nước nông nghiệp, với nền sản xuất nông nghiệp lâu đời. Hiện nay, trên 70% người dân nước ta vẫn sống ở khu vực nông thôn và dựa vào sản xuất nông nghiệp là chính. Sản xuất nông nghiệp nước ta không những đảm bảo thỏa mãn nhu cầu lương thực, thực phẩm tiêu dùng trong nước mà còn phục vụ xuất khẩu ra thị trường quốc tế, vì thế nó đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội và xóa đói giảm nghèo ở nước ta. Những cơ hội và thách thức mới của một nền kinh tế đang trong giai đoạn công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới đòi hỏi nước ta phải xây dựng một nền nông nghiệp hàng hóa mạnh, hiện đại và có năng lực cạnh tranh cao. Để đạt

được những mục tiêu trên, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn phải tập trung huy động mọi nguồn lực, trong đó vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là nguồn lực quan trọng góp phần đẩy nhanh sự phát triển của nền kinh tế đất nước. FDI bổ sung nguồn vốn đáng kể cho tăng trưởng, chuyển giao công nghệ, tăng cường khả năng xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp cũng như tạo thêm nhiều việc làm và nâng cao mức sống cho người dân. Tuy nhiên, kết quả thu hút FDI vào ngành nông nghiệp cho đến nay còn nhiều hạn chế, chưa thực sự phát huy được hết tiềm năng của ngành. Cụ thể nếu như năm 2001, vốn FDI vào nông nghiệp còn chiếm tới 8% tổng vốn FDI của cả nước, thì đến năm 2015 vốn đầu tư vào ngành nông nghiệp chỉ còn khoảng 1,46% tổng vốn FDI vào Việt Nam (theo báo cáo của Cục đầu tư nước ngoài). Một điểm đáng chú ý là FDI trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn được đặc biệt coi trọng và được khuyến khích để bổ sung nguồn vốn cho đầu tư phát triển nông nghiệp. Vậy nguyên nhân nào dẫn đến ngành này thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài ngày càng bị sụt giảm? Các yếu tố nào ảnh hưởng thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp của Việt Nam? Với tầm quan trọng của dòng vốn FDI

vào ngành nông nghiệp đối với tăng trưởng kinh tế của ngành và của cả nước, việc trả lời các câu hỏi này rất cần thiết nhằm đưa ra giải pháp phù hợp, từ đó tăng cường thu hút hơn nữa dòng vốn FDI vào Việt Nam nói chung và ngành nông nghiệp nói riêng trong thời gian tới.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp tại Việt Nam.

- Nguyên nhân của việc thu hút nguồn vốn FDI vào ngành nông nghiệp của Việt Nam còn chậm và nhiều khó khăn.

- Đánh giá thực trạng, tìm ra một số hạn chế và đề xuất giải pháp tăng cường thu hút vốn FDI cho ngành nông nghiệp của Việt Nam trong giai đoạn tới (2017 - 2020).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập số liệu: Tài liệu, số liệu được sử dụng trong bài viết này chủ yếu được kế thừa và tổng hợp từ các nghiên cứu đã được công bố trên sách, báo, tạp chí và các trang thông tin điện tử chính thức của các bộ, ngành liên quan.

- Phương pháp phân tích, xử lý số liệu: Số

liệu trong bài báo được xử lý bằng các phần mềm Excel... Bài báo cũng được tham vấn ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính và thống kê kinh tế.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp tại Việt Nam

a. Quy mô vốn FDI vào ngành nông nghiệp

Nguồn vốn FDI vào ngành nông nghiệp có biểu đồ tăng trưởng không ổn định và phức tạp.

Theo bảng 1, ta có thể thấy số lượng dự án FDI đầu tư không ổn định theo từng năm. Với năm 2009, số lượng dự án đạt gần 30 dự án. Nhưng sau đó, các năm từ 2010 đến 2013, số lượng dự án bị giảm nhiều, mỗi năm dao động từ 10 đến 20 dự án. Đây là con số rất thấp so với tiềm năng nông nghiệp cũng như so sánh với tổng các dự án FDI mới trong năm. Điều này cho thấy việc ngành nông nghiệp chưa có sức hút với vốn FDI. Đến năm 2014, số dự án FDI được cấp phép trong năm đạt 28 dự án, cao hơn hẳn những năm trước. Năm 2015 và 9 tháng đầu năm 2016, tuy số lượng dự án mới đăng ký giảm xuống nhưng quy mô vốn đăng ký tăng lên đáng kể.

Bảng 1. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp giai đoạn (2009 – 2016)

Năm	Số dự án mới	Tốc độ tăng trưởng dự án (%)	Vốn đăng ký (triệu USD)	Tốc độ tăng trưởng vốn (%)
2009	29		128,5	
2010	12	41	36,2	27
2011	21	175	141,5	391
2012	16	76	33,2	23
2013	13	81	97,7	294
2014	28	215	74,0	83
2015	17	61	258	349
9 tháng đầu năm 2016	10		52	

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong khi nguồn đầu tư nước ngoài FDI của cả nước có xu hướng tăng, thì dòng vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp lại quá nhỏ về quy mô dự án và tỷ trọng vốn đầu tư so với tổng

đầu tư nước ngoài của cả nước. Trung bình mỗi năm (từ 2009 đến 2015) có 19,4 dự án đầu tư mới, số vốn đăng ký trung bình là 85,2 triệu USD, quy mô vốn trung bình của dự án trong

ngành nông nghiệp cũng chỉ khoảng 6,7 triệu USD/dự án. Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến tháng 9/2016, cả nước có 518 dự án FDI trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp có hiệu lực, với tổng vốn đăng ký hơn 3,54 tỷ USD, chiếm 2,4% tổng số dự án và gần 1,2% tổng vốn đầu tư đăng ký. Không chỉ ngày càng giảm, cơ cấu vốn FDI trong nông nghiệp cũng có nhiều bất ổn. Các dự án FDI vào nông nghiệp chỉ tập trung chủ yếu vào các dự án thu hồi vốn nhanh như chế

biến nông sản thực phẩm, chế biến lâm sản, chăn nuôi và chế biến thức ăn gia súc. Có thể thấy rằng, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp Việt Nam còn rất nhỏ bé trên cả phương diện quy mô vốn và mức đầu tư cho mỗi dự án. Do đó, nếu có những chính sách và giải pháp tích cực hơn cho ngành nông nghiệp, chắc chắn các nhà đầu tư nước ngoài sẽ nhận thấy sự hấp dẫn của ngành nông nghiệp Việt Nam.

Bảng 2. Vốn FDI đầu tư vào ngành nông nghiệp giai đoạn (2009 – 2016)

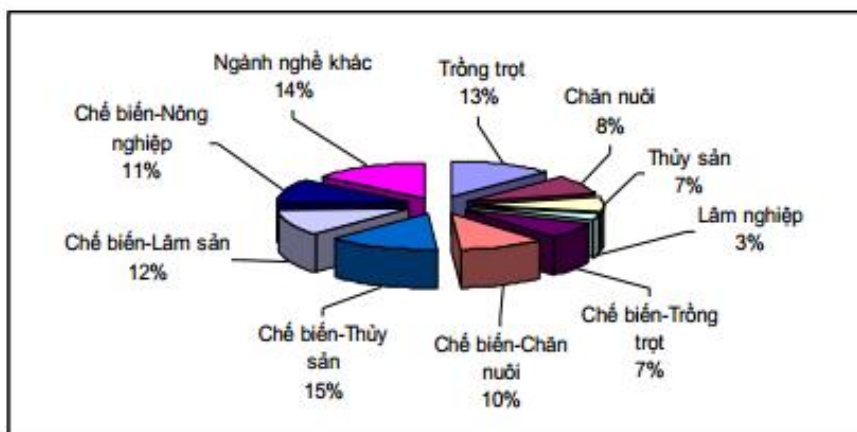
Năm	Vốn FDI vào nền kinh tế (triệu USD)	Vốn FDI vào ngành nông nghiệp (triệu USD)
2009	23.107,30	128,50
2010	19.886,10	36,20
2011	15.598,10	141,50
2012	7.854,10	33,19
2013	22.352,20	97,70
2014	15.642,62	73,98
2015	24.115,00	258,00
9 tháng đầu năm 2016	11.164,63	52,00

Nguồn: Tổng cục thống kê

b. Cơ cấu vốn FDI trong ngành nông nghiệp theo tiểu ngành

Trong những năm đầu của thập kỷ 90, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp phần nhiều là các dự án khai thác và chế biến gỗ và lâm sản. Đến nay, các dự án

đầu tư đã đa dạng hơn và khá đồng đều vào tất cả các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi gia súc gia cầm, trồng và chế biến lâm sản, trồng rừng và sản xuất nguyên liệu giấy, sản xuất mía đường, sản xuất thức ăn chăn nuôi...



Hình 1. Cơ cấu vốn FDI trong ngành nông nghiệp năm 2015

Như trên hình 1, ta có thể nhận thấy cơ cấu FDI vào các tiểu ngành trong nông nghiệp đã đa dạng hơn và tập trung đầu tư có trọng điểm vào các ngành như trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, chế biến thức ăn chăn nuôi, trồng rừng, chế biến gỗ và lâm sản, thủy sản và ngành nghề khác. Tính đến năm 2015, dự án FDI có tỷ trọng cao nhất là chế biến - thủy sản (15%) và ngành khác (14%), tiếp theo là dự án FDI trồng trọt (13%), chế biến - lâm sản (12%), chế biến - nông nghiệp (11%), chế biến - chăn nuôi (10%), chăn nuôi (8%), thủy sản (7%), chế biến - trồng trọt (7%) và tỷ trọng thấp nhất là dự án FDI lâm nghiệp (3%). Nguyên nhân có thể do ngành lâm nghiệp cần thời gian rất dài mới có kết quả đầu tư, đây là lý do chính làm lâm nghiệp không thu hút nhiều sự quan tâm của các nhà đầu tư.

c. Cơ cấu vốn FDI trong ngành nông nghiệp theo hình thức đầu tư

Trong nông nghiệp, các dự án FDI vào nước ta có 4 hình thức cơ bản là doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, hợp tác kinh doanh và công ty cổ phần. Trong đó, hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài chiếm số lượng lớn nhất, khoảng 87% trong số tổng dự án FDI nông nghiệp, chiếm 76% tổng số vốn đầu tư. Tiếp theo là doanh nghiệp liên doanh chiếm 13% số dự án và 20% số vốn đầu tư. Hình thức công ty cổ phần tuy chỉ chiếm 0,94% số dự án nhưng lại có số vốn chiếm 4% của tổng vốn đầu tư. Qua đây ta thấy, xu hướng chủ yếu của các nhà đầu tư là thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

d. Cơ cấu FDI trong nông nghiệp theo đối tác đầu tư

Tính các dự án còn hiệu lực đến 06/2016, các nước và vùng lãnh thổ châu Á như Đài Loan, ASEAN, Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông là những nước đầu tư lớn nhất với lượng vốn chiếm tới 61% tổng vốn đăng ký vào ngành nông nghiệp, trong đó vốn đăng ký của Đài Loan là 18,74%, của khu vực ASEAN là

28,89%. Các nước ở khu vực EU đầu tư vào Việt Nam đáng kể nhất có Pháp 5,9%, quần đảo British Virgin (9%). Các nhà đầu tư từ các khu vực còn lại trên thế giới, đặc biệt là một số nước có ngành nông nghiệp phát triển mạnh như Hoa Kỳ, Canada, Australia vẫn chưa thực sự đầu tư vào ngành nông nghiệp nước ta. Đầu tư của Hoa Kỳ chiếm 4,83%, đầu tư của Canada và Australia chưa đầy 4% tổng lượng vốn đăng ký. Cơ cấu trên đã phản ánh phần nào thể hiện khả năng vận động, kêu gọi xúc tiến đầu tư vào ngành nông nghiệp Việt Nam còn nhiều hạn chế. Việc quảng bá những tiềm năng, thế mạnh của nông nghiệp Việt Nam ra thế giới chưa được thực hiện bài bản, có tầm nhìn chiến lược. Các cuộc triển lãm, trưng bày sản phẩm của nông nghiệp tại các cuộc triển lãm, hội chợ chưa được tổ chức thường xuyên. Thêm nữa là do các chính sách, ưu đãi cho FDI chưa nhiều và chưa được thực hiện triệt để. Vẫn còn nhiều ý kiến phản nản về thủ tục rườm rà khi muốn đầu tư, các ưu đãi chưa thực sự đủ sức lôi kéo nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn vào nông nghiệp. Những nền nông nghiệp phát triển trên thế giới chưa quan tâm đến nông nghiệp Việt Nam. Nếu có sự đầu tư từ những nước có nền nông nghiệp phát triển, nông nghiệp Việt Nam sẽ có rất nhiều lợi ích không chỉ là số vốn từ FDI. Chúng ta có thể sẽ tận dụng, tiếp thu công nghệ hiện đại, quy trình sản xuất tiên tiến, kinh nghiệm quản lý hiện đại...

e. Cơ cấu vốn FDI trong ngành nông nghiệp theo địa phương nhận đầu tư

Theo thống kê Cục Đầu tư nước ngoài năm 2016, tổng số dự án nông nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 518. Số dự án và dòng vốn FDI vào khu vực nông nghiệp đã ít, cơ cấu dự án và nguồn vốn này lại phân bố mất cân đối trong các địa phương của cả nước. Phần lớn các dự án FDI trong khu vực nông nghiệp đều tập trung vào những địa phương có lợi thế về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, vùng nguyên liệu và điều kiện về thổ nhưỡng, khí hậu thuận lợi.

Bên cạnh đó, chính sách thu hút nguồn vốn này hiện nay đã tạo ra môi trường cạnh tranh khá quyết liệt giữa các địa phương với nhau trong việc mời gọi đầu tư vào lĩnh vực này. Có thể thấy rằng, những địa phương thuộc khu vực Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có nguồn vốn đầu tư FDI lớn nhất so với các khu vực khác trong cả nước như: Bình Dương (87 dự án, chiếm hơn 590 triệu USD vốn đăng ký), Đồng Nai (42 dự án, 737 triệu USD vốn đăng ký), TP. Hồ Chí Minh (39 dự án với 156,63 triệu USD), Lâm Đồng (74 dự án, 214,86 triệu USD vốn đăng ký). Trong khi đó, những địa phương và khu vực khác lại thu hút FDI rất khó khăn.

3.2. Kết quả đạt được của đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp đến phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

FDI vào lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, tạo việc làm cho nông dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo và tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Về quy mô vốn đầu tư: Các dự án FDI trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp đã góp phần bổ sung nguồn vốn cho đầu tư phát triển trong lĩnh vực này, tạo thêm nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Trong những năm qua, khu vực FDI ngành nông nghiệp đã góp phần tích cực trong xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam, đặc biệt là sản phẩm gỗ, cà phê, chè, điều... Tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản 6 tháng đầu năm 2016 đạt 15,05 tỷ USD, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2015, thặng dư thương mại đạt trên 7,5 tỷ USD, góp phần giảm nhập siêu cho cả nước. Đã có 3 mặt hàng xuất khẩu đạt kim ngạch từ 3 tỷ USD trở lên là gạo, cà phê, đồ gỗ (trên 3 tỷ USD), 5 mặt hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD là cao su (2,86 tỷ USD), cá tra, tôm, hạt điều, sắn và các sản phẩm sắn. Doanh nghiệp ĐTNN ngoài chiếm 5 - 10%

trong tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó mặt hàng cà phê, gỗ chiếm 40 - 50%; tiêu, điều chiếm 20 - 30%; gạo và thủy sản xuất khẩu chủ yếu được thực hiện bởi doanh nghiệp của Việt Nam.

- Về cơ cấu vốn FDI ngành nông nghiệp theo tiểu ngành: Hoạt động của các dự án FDI trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp đã bước đầu thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, góp phần đa dạng hóa sản phẩm, thay đổi các phương thức sản xuất truyền thống bằng các phương thức sản xuất mới với quy mô lớn hơn, tiếp thu và ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của hàng hóa nông lâm thủy sản của xuất khẩu của nước Việt Nam.

Sản phẩm của các doanh nghiệp có vốn FDI được tiếp thị ở thị trường quốc tế một cách khá thuận lợi, góp phần đáng kể vào việc giới thiệu nông sản, hàng hóa của Việt Nam trên thị trường thế giới, tạo điều kiện cho nông sản Việt Nam thâm nhập thị trường, góp phần nâng cao kim ngạch xuất khẩu chung của ngành. FDI cũng góp phần cải thiện tập quán canh tác, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều địa phương, nhất là các dự án đầu tư vào phát triển nguồn nguyên liệu, cải thiện điều kiện hạ tầng yếu kém, lạc hậu ở nhiều địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo. Ngoài ra, việc hình thành các khu công nghiệp mới và thu hút FDI vào các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông sản, hải sản và thực phẩm đã góp phần đáng kể vào việc thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn nước ta theo hướng công nghiệp hóa. Việc hình thành các khu công nghiệp mới không chỉ tạo điều kiện thu hút lực lượng lao động ở nông thôn mà còn góp phần đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn.

- Đóng góp của FDI ngành nông nghiệp cho địa phương: Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp đã góp phần tạo thêm

nhiều việc làm mới, nâng cao thu nhập cho dân cư các địa phương, cải thiện đời sống kinh tế - xã hội của nhiều vùng nông nghiệp và nông thôn, cải thiện cơ sở hạ tầng, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Đến nay, các dự án FDI vào lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp đã thu hút nhiều lao động trực tiếp, chưa kể số lượng lớn các lao động thời vụ cũng như lao động khác trong khu vực nông nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt để cung cấp sản phẩm cho ngành chế biến thực phẩm (tiêu thụ trong nước và xuất khẩu), chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản. Các doanh nghiệp FDI hàng năm cũng tạo ra khoảng 500.000 lao động trực tiếp và gián tiếp cho ngành nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập cho người nông dân. Các dự án FDI trong lĩnh vực nông nghiệp và chế biến nông sản tuy vốn đầu tư không lớn nhưng lại có thể tạo ra việc làm cho lực lượng lao động đông đảo và đang thiếu việc làm trầm trọng ở nông thôn.

3.3. Hạn chế trong thu hút vốn FDI vào ngành nông nghiệp

- Về quy mô vốn FDI: Dòng vốn FDI tăng trưởng không ổn định và có xu hướng giảm trong những năm gần đây.

Tổng số vốn FDI đầu tư vào Việt Nam có chiều hướng đi xuống từ năm 2009, năm 2012 là năm mà số vốn FDI đột ngột sụt giảm sâu so với năm 2011. Tuy nhiên, đến năm 2013, 2014, 2015, vốn FDI đầu tư vào Việt Nam lại tăng khả quan. FDI vào nông nghiệp tăng trưởng không ổn định. Vốn FDI vào ngành này giảm liên tục sau khi đạt số vốn đăng ký rất cao năm 2009. Đến năm 2010, vốn đăng ký giảm xuống rất thấp. Sau khi đạt mức tăng đột biến vào năm 2015, dòng vốn đăng ký lại có xu hướng giảm. Xu hướng này được dự đoán là sẽ còn tiếp tục diễn ra vào những năm tới nếu Việt Nam không có những giải pháp thích hợp cho đầu tư của ngành nông nghiệp.

- Về cơ cấu vốn FDI: Tỷ trọng vốn FDI của

ngành nông nghiệp thấp, thiếu tính ổn định.

So với các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, vốn FDI đầu tư vào lĩnh vực nông lâm nghiệp nước ta chiếm tỷ trọng rất thấp và không ổn định, trong khi thế mạnh của ngành nông nghiệp nước nhà là rất lớn. Năm 2015, trong khi ngành công nghiệp nặng chiếm tới 45,5%, công nghiệp nhẹ chiếm 32,7%, thì lĩnh vực nông, lâm nghiệp chỉ chiếm có 7,6%. Nguồn vốn FDI chưa xứng với tiềm năng cũng như thế mạnh phát triển nông nghiệp của Việt Nam. Mặc dù trong tổng thể chính sách thu hút FDI, nông nghiệp và phát triển nông thôn luôn được coi là lĩnh vực khuyến khích và đặc biệt khuyến khích đầu tư. Mặt khác, so với hoạt động FDI trong các lĩnh vực khác, hiệu quả thực hiện các dự án trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp còn rất hạn chế, còn thấp, thiếu ổn định và có xu hướng giảm. Đồng thời, do luôn tiềm ẩn rủi ro từ nhiều phía (điều kiện tự nhiên, thị trường, lãi suất thấp, thu hồi vốn chậm vì phải theo chu kỳ cây trồng - vật nuôi...) nên có nhiều dự án bị giải thể trước thời hạn.

- Về hiệu quả vốn FDI theo tiểu ngành: Hiệu quả hoạt động của các dự án FDI trong nông nghiệp chưa cao.

Việt Nam là nước có truyền thống sản xuất nông nghiệp với nguồn lực tự nhiên và con người rất phong phú. Tuy nhiên, các dự án FDI đầu tư vào trồng trọt và chế biến nông sản mới chỉ tập trung vào khai thác các tiềm năng sẵn có như đất đai, lao động. Số dự án triển khai để tạo ra các giống cây trồng, giống vật nuôi mới còn ít. Trong ngành trồng trọt và chế biến nông sản, FDI có xu hướng tập trung vào việc khai thác tiềm năng, nguồn lực sẵn có về đất đai, lao động... chưa có nhiều dự án tạo giống cây, giống con mới và nuôi, trồng, chế biến các loại rau, quả xuất khẩu có hàm lượng công nghệ cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện Việt Nam. FDI trong ngành trồng rừng và chế biến lâm sản chưa thật sự đạt hiệu quả như mong muốn, chưa mang lại lợi ích đáng kể cho nhà

đầu tư, Nhà nước và người lao động. Các dự án chế biến lâm sản, nhất là chế biến gỗ chỉ tập trung sử dụng nguồn nguyên liệu nhập khẩu (80%). Trong khi đó hàng năm nước ta xuất thô gỗ ván dăm, gỗ nguyên liệu với khối lượng rất lớn. Mặt khác, do quy hoạch đất đai chưa tốt nên chưa đáp ứng được nhu cầu về đất của các nhà đầu tư, dẫn đến thiếu gỗ nguyên liệu cho chế biến. Nhiều nhà đầu tư phải tiến hành trồng rừng nguyên liệu ở một số nước khác và nhập khẩu trở lại Việt Nam phục vụ cho nhà máy chế biến. Việc khai thác, sử dụng đất đai của các dự án FDI trong lĩnh vực nông lâm nghiệp chưa thật sự có hiệu quả. Nhiều dự án trồng rừng chiếm diện tích đất khá lớn, song hiệu quả thực tế trên 1 ha sử dụng đất còn rất thấp. Một số dự án trồng rừng nguyên liệu, chế biến nông sản không mang lại hiệu quả, trong khi đó lại có khá nhiều dự án tác động nghiêm trọng đến cảnh quan, môi trường tự nhiên hoặc thậm chí có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng. FDI trong ngành ngư nghiệp bị giảm do tập trung vào các dự án sản xuất giống mới, chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng, nuôi các loài hải sản có giá trị kinh tế cao. Mặt khác, đầu tư trong ngành này giảm do trình độ nuôi trồng thủy sản, chế biến của các doanh nghiệp Việt Nam đã khá hơn đáp ứng được yêu cầu tiêu chuẩn của quốc tế và thị trường nhập khẩu. Như vậy, dòng vốn FDI vào ngành nông nghiệp Việt Nam chỉ chủ yếu khai thác các nguồn tài nguyên sẵn có mà chưa tập trung đầu tư nhằm phát huy hơn nữa các tiềm năng của đất nước.

- Về cơ cấu vốn FDI theo địa phương: Phân bố nguồn vốn FDI không đồng đều giữa các địa phương

Thực tế cho thấy, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp Việt Nam phân bố không đồng đều giữa các địa phương, vùng lãnh thổ. Hầu hết các dự án vẫn tập trung ở vùng kinh tế trọng điểm, vùng nguyên liệu, có điều kiện khí hậu thổ nhưỡng thuận lợi để phát

triển nguồn nguyên liệu cho sản xuất. Vùng Đông Nam Bộ có điều kiện thuận lợi để phát triển thành vùng chuyên canh các loại cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tính đến hết năm 2015, hơn 1/2 lượng vốn FDI trong nông nghiệp được dồn về khu vực này có điều kiện thuận lợi về khí hậu thổ nhưỡng, cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư, tập trung ở Đồng Nai, Bình Dương. Lâm Đồng, Tp Hồ Chí Minh. Theo vùng sinh thái thì Đông Nam Bộ chiếm tỷ lệ đầu tư FDI cao nhất (28,7%), Tây Nguyên (21%), Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (17,1%) và Đồng bằng sông Cửu Long (17,1%), trong khi đầu tư FDI tác động rất hạn chế đến khu vực Trung Du và Miền núi phía Bắc (7,6%), Đồng bằng sông Hồng (8,2%). Tình trạng vốn FDI hạn chế ở các khu vực miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên đã hạn chế dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn giữa các vùng, địa phương cũng như cho thấy chính sách thu hút FDI vào các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn chưa thực sự được coi trọng và thực hiện kém hiệu quả.

- Về đối tác đầu tư FDI: Đối tác đầu tư thiếu tính đa dạng

Tính đến hết năm 2015, đã có 60 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Hàn Quốc dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm là 7,32 tỷ USD, chiếm 36,2% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; Hồng Kông đứng vị trí thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm là 3 tỷ USD, chiếm 14,8 % tổng vốn đầu tư; Singapore đứng vị trí thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm là 2,79 tỷ USD, chiếm 13,8% tổng vốn đầu tư; tiếp theo là Nhật Bản đứng ở vị trí thứ 4.

3.4. Nguyên nhân của những hạn chế

Thực trạng thu hút FDI vào khu vực nông nghiệp, nông thôn cho thấy còn nhiều hạn chế và yếu kém trong việc xây dựng chiến lược thu hút đầu tư, chiến lược xây dựng kết cấu hạ tầng

phục vụ phát triển nông nghiệp như đã nêu ở trên. Nguyên nhân của những bất cập này chủ yếu là:

Một là, do bất cập ở tầm chính sách vĩ mô. Các chính sách vĩ mô từ trước tới nay chủ yếu vẫn ủng hộ sự phát triển của các ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu hoặc tạo ra cơ hội lợi nhuận lớn cho các ngành phi sản xuất, như: tài chính, chứng khoán, bất động sản nên các doanh nghiệp tư nhân lớn của Việt Nam cũng như các tập đoàn lớn của nước ngoài đều có mặt trong các ngành này. Có rất ít doanh nghiệp và các nhà đầu tư nước ngoài có tiếng tăm trên trường quốc tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Chính phủ chưa xây dựng được cơ chế khuyến khích mang tính hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp. Bên cạnh đó, công tác tổ chức hướng dẫn thủ tục, đến triển khai đầu tư chưa được làm tốt.

Hai là, kết cấu hạ tầng nông thôn còn rất nghèo nàn so với thành thị để đủ sức hấp dẫn nhà đầu tư. Điện cung cấp cho nông thôn mất thường xuyên và mới dùng để thắp sáng là chủ yếu, chưa phục vụ nhiều cho tưới tiêu, sản xuất. Nguồn cung cấp nước sạch cho sinh hoạt ở nông thôn vẫn còn thiếu, chưa nói đến hệ thống cung cấp nước cho sản xuất. Đặc biệt, mới chỉ có 43% diện tích cây rau màu và cây công nghiệp được tưới chủ động.

Ba là, khách quan thì đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn mặc dù có thể đem lại hiệu quả cao, nhưng cũng gặp rủi ro lớn về thời tiết, thị trường đầu vào và đầu ra. Tỷ lệ bảo hộ thực tế đối với nông sản quá thấp (dưới 3%) so với hàng công nghiệp (có khi lên tới 200%). Hệ thống bảo hiểm nông nghiệp hầu như chưa hoạt động, khiến nhà đầu tư ngần ngại khi đổ tiền vào lĩnh vực vốn nhạy cảm và nhiều rủi ro này.

Bốn là, đất đai của nước ta hiện nay rất manh mún và phân mảnh do hộ nông dân giữ, trong khi nhà đầu tư nước ngoài cần diện tích

đất “sạch”, quy mô lớn để phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn. Nhiều địa phương hy sinh nông nghiệp để phát triển công nghiệp và đô thị, trong khi đó chúng ta chưa quan tâm đúng mức tới bảo vệ môi trường. Vì vậy, quỹ đất nông nghiệp bị thu hẹp, nguồn nước bị ô nhiễm, làm giảm tính hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp.

Năm là, ngành nông nghiệp thiếu đi một chiến lược phát triển tổng thể mang tính liên ngành, liên vùng. Trong khi đó, đây lại là căn cứ quan trọng để xúc tiến đầu tư

3.5. Giải pháp góp phần tăng cường thu hút vốn FDI vào ngành nông nghiệp của Việt Nam trong thời gian tới

Thứ nhất, cần có chính sách quảng bá, mời gọi các doanh nghiệp, đặc biệt là thu hút các nguồn vốn FDI cho khu vực nông nghiệp, nông thôn. Cùng với đó, cần thiết phải xây dựng một cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương để lựa chọn, đề xuất các lĩnh vực, địa bàn ưu tiên đầu tư ngay từ khâu mời gọi và xúc tiến đầu tư. Cơ cấu ngành nghề trong khu vực nông nghiệp, nông thôn cũng cần được xem xét để đảm bảo sự phát triển chuyên môn hóa các ngành. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn cho những khu vực khó khăn, như: Tây Bắc, Tây Nguyên và vùng núi miền Trung... Có như vậy, Chính phủ mới điều tiết được các nguồn vốn FDI vào các địa bàn, lĩnh vực mong muốn. Đồng thời, các nhà đầu tư cũng có thể phát huy được thế mạnh của mình trong từng lĩnh vực, địa bàn để có các phương án đầu tư hiệu quả.

Thứ hai, cần sớm hoàn chỉnh quy hoạch và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lực lượng lao động trong khu vực nông nghiệp, trong đó cần quan tâm đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp FDI. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn phải xuất phát từ nhu cầu sử dụng lao động thực tế của các doanh nghiệp trên địa bàn và nhu cầu thực tế của người dân. Vì vậy, từng địa phương cần có những nghiên cứu

đánh giá để nắm bắt các nhu cầu cụ thể của từng nghề, nhóm nghề, vị trí công việc... của các doanh nghiệp, trong đó quan tâm đúng mức tới nhu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ ba, đổi mới về thể chế trong lĩnh vực nông nghiệp, nhất là chính sách đất đai, phát triển kết cấu hạ tầng... Đối với chính sách về đất đai, cần nghiên cứu để thời gian thuê đất của các doanh nghiệp được kéo dài hơn, tiền thuê đất nên có những ưu đãi không chỉ các doanh nghiệp trong nước mà còn đối với các doanh nghiệp FDI. Những địa bàn khó khăn về điều kiện kết cấu hạ tầng, thị trường cần có chính sách ưu đãi thỏa đáng, như: khu vực miền núi phía Bắc, khu vực Tây Nguyên... Bên cạnh đó, những chính sách khác như: chính sách thuế, hỗ trợ xuất khẩu đối với những sản phẩm nông nghiệp của các doanh nghiệp FDI cũng cần được quan tâm.

Ngoài ra, cần có những biện pháp để giải quyết tốt vấn đề năng lượng tại khu vực nông thôn hiện nay. Có thể thấy rằng, hầu hết các khu vực nông thôn ở Việt Nam đều trong tình trạng thiếu điện hoặc nguồn điện không ổn định. Bên cạnh đó, chi phí sử dụng điện tại các khu vực ở nông thôn vẫn đang phải chịu cao hơn so với khu vực thành thị. Với địa bàn nông thôn rộng lớn, chi phí đầu tư cho hạ tầng ngành điện tăng đã làm cho giá điện tăng. Đây cũng là vấn đề làm cho khu vực nông nghiệp, nông thôn mất lợi thế hơn trong việc thu hút các nguồn vốn FDI.

Thứ tư, cần có các chính sách và chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm rủi ro cho các sản phẩm nông nghiệp. Điều này sẽ tạo động lực quan trọng để các nguồn vốn của các doanh nghiệp, nhà đầu tư mạnh dạn bỏ vốn, yên tâm đầu tư, chuyển giao kỹ thuật, thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Thứ năm, khu vực nông thôn hiện nay vẫn còn thiếu quy hoạch chi tiết cho các khu vực phát triển nông nghiệp của các địa phương.

Hầu hết các sản phẩm nông nghiệp từ các địa phương trên cả nước phần lớn còn phát triển tự phát. Điều này gây lúng túng cho các nhà đầu tư khi muốn thực hiện các hoạt động đầu tư vào khu vực này. Do vậy, các cơ quan quản lý và các địa phương cần sớm có quy hoạch vùng nguyên liệu, quy hoạch đối tượng trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề truyền thống... một cách có hệ thống và được công khai, minh bạch để làm cơ sở cho các nhà đầu tư lựa chọn thực hiện đầu tư được dễ dàng.

Thứ sáu, cần tăng cường công tác truyền thông để các nhà đầu tư nước ngoài nắm bắt đầy đủ các thông tin và những định hướng về chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động đầu tư tại khu vực nông nghiệp, nông thôn. Điều này sẽ góp phần khẳng định chính sách nhất quán của Nhà nước trong việc đảm bảo tính pháp lý về quyền lợi của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài trong khu vực này.

IV. KẾT LUẬN

Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, mức tích lũy cho đầu tư còn thấp. Vì vậy, tận dụng nguồn lực đầu tư trực tiếp nước ngoài cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và của ngành nông nghiệp nói riêng là rất cần thiết. Để tận dụng được cơ hội, ngành nông nghiệp cần thay đổi chính sách khuyến khích và thúc đẩy đầu tư; đồng thời, cần có một chiến lược, định hướng dài hạn thu hút vốn đầu tư nước ngoài; tập trung nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, từng sản phẩm để có thể tăng sức hấp dẫn của nông nghiệp Việt Nam trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2013). *Kỷ yếu Hội nghị 25 năm đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*. Hà Nội.
2. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn (2015). *Báo cáo thuyết minh chi tiết và đánh giá tác động dự thảo nghị định về chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp*. Hà Nội.

3. Phạm Thị Bích Ngọc (2014). Giải cơn khát vốn FDI cho nông nghiệp Việt Nam. *Tạp chí Con số và Sự kiện* 10/2014, Hà Nội.

4. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương,

Bộ Kế hoạch và đầu tư, Dự án VIE/ 01/021. *Báo cáo đánh giá chính sách khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài từ góc độ phát triển kinh tế bền vững*. Hà Nội.

ATTRACTING FOREIGN DIRECT INVESTMENT (FDI) IN AGRICULTURE IN VIETNAM: SITUATION AND SOLUTIONS

Nguyen Thi Mai Huong

Vietnam National University of Forestry

SUMMARY

There has been enormous potentials and advantages to develop in agriculture, however it is increasingly difficult to attract capital inflows of FDI. Which has caused low international capital flows and not commensurate with the sector's potential. This study assessed the situation of attracting foreign direct investment into the agricultural sector in Vietnam by using contents including: the scale of FDI, capital structure in agriculture, investment, investment forms, investment sources and local investees. After that the research indicated reasons for difficulties and limitations of attracting FDI in agriculture, as well as proposed some policies and measures to attract international investment funds in agriculture in Vietnam.

Keywords: Agricultural, Economic growth, FDI, foreign direct investment.

Ngày nhận bài : 09/01/2017

Ngày phản biện : 15/01/2017

Ngày quyết định đăng : 25/01/2017